

Hoàng Hoá, ngày 25 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 301/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 v/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa:

Nguyên đơn: Bà Khương Thị L, Sinh năm 1966.

Địa chỉ: thôn Th 1, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Trương Quốc Ngh, Sinh năm 1956.

Địa chỉ: thôn thôn Th 1, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 33, 39, 55, 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 6; khoản 7 Điều 26; d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17/10/2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17/10/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhân sự thuần tình lý hôn giữa:

Nguyên đơn: Bà Khương Thị L, Sinh năm 1966.

Địa chỉ: thôn Th 1, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bi đơn: Ông Trương Quốc Nghĩa, Sinh năm 1956.

Địa chỉ: thôn thôn Th 1, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con: Công nhận cháu Trương Thị T, sinh ngày 27/4/2005 là con chung của bà Khuong Thị L và ông Trương Quốc Ngh.

Về việc nuôi con: Ông Ngh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Thị T. Bà L có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Ngh không yêu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Khuong Thị L và ông Trương Quốc Ngh đề nghị Tòa án ghi nhận sự thoả thuận như sau:

- Về tài sản chung: Vợ chồng tôi khối tài sản chung là:

+ Thừa đất số: 236b; Tờ bản đồ số: 10(E_48_08_189_d) bản đồ xã T. Địa chỉ thửa đất thuộc thôn Th 1, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa có diện tích 1.172,14m² (một nghìn một trăm bảy mươi hai phẩy mười bốn mét vuông) trong đó đất ở tại nông thôn là 1.112m², đất trồng cây lâu năm là 60,00m². Hình thức sử dụng riêng là 1.096,14m², sử dụng chung là 76,0m². Được UBND huyện Hoằng Hóa cấp ngày 30/9/2013. Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 01252.

+ Nhà và công trình phụ trên đất.

Đề nghị Tòa án công nhận sự thoả thuận về việc chia tài sản chung của vợ chồng như sau:

Ông Nghĩa được quyền sở hữu toàn bộ tài sản là nhà và các công trình khác trên đất và được quyền sử dụng đối với đất có diện tích là 1.172,14m² (một nghìn một trăm bảy mươi hai phẩy mười bốn mét vuông) trong đó đất ở tại nông thôn là 1.112m², đất trồng cây lâu năm là 60,0m². Hình thức sử dụng riêng là 1.096,14m², sử dụng chung là 76,0m² tại thửa đất số 236b; Tờ bản đồ số: 10(E_48_08_189_d) bản đồ xã Hoằng T. Địa chỉ thửa đất thuộc thôn Th 1, xã Hoằng T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Ông Ngh có trách nhiệm giao lại cho bà Khuong Thị L số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Ông Ngh đã giao đầy đủ số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) cho bà L tại Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa.

Ông Ngh có trách nhiệm đề nghị với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu đối với nhà và quyền sử dụng đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên.

Về án phí: Bà L tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ (Ba

trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0005844 ngày 02/10/2019 tại Chi cục Thi hành án huyện Hoằng Hoá. Chị bà L được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định (ngày 25/10/2019) và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Hoằng Hoá;
- Chi cục THAHH;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lường Thị Hoa